

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà

- Mã chứng khoán: SHE
- Địa chỉ: Lô D, cụm công nghiệp Thị trấn Phùng, Xã Đan Phượng, TP. Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0975988003
- Email: anhttk@sonha.com.vn
- Website: <http://www.thaiduongnang.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC Năm 2025
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 07/03/2026 tại đường dẫn: <https://www.thaiduongnang.com.vn/vi/thong-tin-cong-bo/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

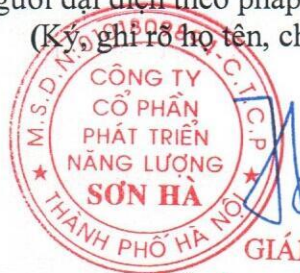
- Nội dung giao dịch: Không có giao dịch
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTC năm 2025

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

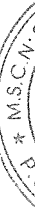
Trần Ngọc Hùng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Giám đốc | 2 - 3 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 | 13 - 32 |



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101809894, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó, lần thứ 14 là ngày 02 tháng 9 năm 2025 về việc thay đổi địa chỉ.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024 6265 6566
- Fax : 024 3265 6568

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm |
|-----------------------|--------------|---------------------------------------|
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Hoàng Mạnh Tân | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 9 năm 2023 |
| Bà Nông Thị Thanh Vân | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Lương Diệu Cẩm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Đình Quý | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2023 |
| Ông Trần Ngọc Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024 |

Ban Kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|------------|--------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Gấm | Trưởng ban | Ngày 19 tháng 5 năm 2023 |
| Bà Lê Thị Thảo | Thành viên | Ngày 18 tháng 4 năm 2023 |
| Ông Trần Văn Thi | Thành viên | Ngày 18 tháng 4 năm 2023 |

Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|----------------|-------------------------------------|
| Ông Trần Ngọc Hùng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2024 |
| Ông Đinh Đức Tuấn | Phó Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2025 |
| Bà Trịnh Thị Kim Anh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2024 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Hùng – Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

Ngày 28 tháng 02 năm 2026

Số: 2.0125/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC****CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Vũ Tuấn Nghĩa - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4028-2022-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 281.773.726.084 | 228.801.939.056 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2.198.213.082 | 3.956.588.389 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.198.213.082 | 3.956.588.389 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 11.184.025.247 | 8.180.210.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 11.184.025.247 | 8.180.210.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 208.977.370.420 | 133.003.183.985 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 210.039.502.965 | 128.760.483.361 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 4.888.939.945 | 6.404.006.780 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 1.281.807.980 | 1.229.082.665 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (7.232.880.470) | (3.390.388.821) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 59.263.271.027 | 83.505.906.858 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 62.770.132.656 | 83.505.906.858 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (3.506.861.629) | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 150.846.308 | 156.049.824 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 150.846.308 | 156.049.824 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 21.607.859.563 | 23.956.891.838 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 21.126.541.072 | 22.981.649.088 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9- | 21.126.541.072 | 22.981.649.088 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 39.406.774.563 | 39.289.235.895 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (18.280.233.491) | (16.307.586.807) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 159.181.000 | 159.181.000 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (159.181.000) | (159.181.000) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 231 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | - |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | - |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 481.318.491 | 975.242.750 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 481.318.491 | 975.242.750 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 303.381.585.647 | 252.758.830.894 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 140.540.025.082 | 102.157.940.566 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 138.160.320.005 | 98.298.235.489 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 43.356.738.430 | 27.024.753.056 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 464.004.578 | 896.230.954 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 2.561.403.149 | 2.560.698.091 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.482.247.378 | 1.576.600.854 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.12 | 366.558.363 | 68.382.911 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13 | 342.356.253 | 555.380.048 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14a | 87.740.763.667 | 63.780.388.994 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | V.15a | 329.908.941 | 329.908.941 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 1.516.339.246 | 1.505.891.640 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 2.379.705.077 | 3.859.705.077 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.14b | 1.465.000.000 | 2.945.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | V.15b | 914.705.077 | 914.705.077 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 162.841.560.565 | 150.600.890.328 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 162.841.560.565 | 150.600.890.328 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 149.531.560.000 | 115.025.160.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 149.531.560.000 | 115.025.160.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | 4.406.859.603 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 13.310.000.565 | 31.168.870.725 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 778.568.985 | 31.168.870.725 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 12.531.431.580 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 303.381.585.647 | 252.758.830.894 |

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 376.795.816.979 | 197.559.826.258 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 4.024.689.872 | 1.152.208.737 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 372.771.127.107 | 196.407.617.521 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 344.100.527.761 | 167.299.979.301 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 28.670.599.346 | 29.107.638.220 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 733.139.554 | 230.859.886 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 5.335.305.725 | 4.447.582.259 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 5.269.711.727 | 4.263.508.191 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 2.096.275.331 | 3.309.670.500 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 11.853.859.651 | 9.843.240.664 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 10.118.298.193 | 11.738.004.683 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 6.317.382.309 | 3.719.301.304 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 714.355.664 | 86.000.711 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 5.603.026.645 | 3.633.300.593 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 15.721.324.838 | 15.371.305.276 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.11 | 3.189.893.258 | 3.121.544.697 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>12.531.431.580</u> | <u>12.249.760.579</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | <u>838</u> | <u>811</u> |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9 | <u>838</u> | <u>811</u> |

Người lập biểu

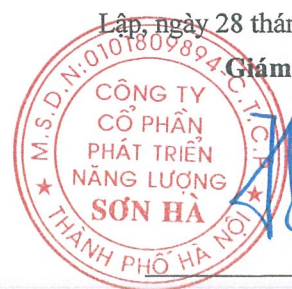
Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã Thuyết | | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|--------|-------------------------|------------------------|
| | số | minh | | |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 15.721.324.838 | 15.371.305.276 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9 | 2.001.132.380 | 2.261.921.144 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | VI.7 | 7.349.353.278 | 2.136.590.912 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4 | (195.576.856) | 1.132.414 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4,8 | (527.338.196) | (166.927.705) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 5.269.711.727 | 4.263.508.191 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 29.618.607.171 | 23.867.530.232 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (79.670.933.426) | (34.577.974.821) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 20.735.774.202 | 4.255.026.634 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 16.087.703.161 | 6.647.792.164 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 499.127.775 | 862.104.302 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (5.229.076.275) | (4.269.034.298) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.11 | (3.399.656.515) | (5.637.081.404) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.16 | (112.050.000) | (8.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (21.470.503.907) | (8.859.637.191) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (147.700.000) | (367.000.808) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 10.000.000 | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (3.003.815.247) | (6.280.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | 2.394.300.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 373.269.174 | 444.091.296 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (2.768.246.073) | (3.808.609.512) |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm nay |
|--|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.14 | 163.078.380.759 | 129.972.890.120 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.14 | (140.598.006.086) | (115.306.522.646) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 22.480.374.673 | 14.666.367.474 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (1.758.375.307) | 1.998.120.771 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 3.956.588.389 | 1.958.467.618 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 2.198.213.082 | 3.956.588.389 |

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Kim Anh

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SON HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh thiết bị năng lượng, kinh doanh xe máy điện và bán điện mặt trời áp mái.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 54 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 58 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 36 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 07 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả của Công ty chủ yếu là dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Tăng, giảm số dư dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện thành phẩm

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 264.970.944 | 353.325.088 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*) | 1.933.242.138 | 3.603.263.301 |
| Cộng | 2.198.213.082 | 3.956.588.389 |

(*) Trong đó, số dư tiền gửi đang bị phong tỏa là 120.783.277 VND để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,2% - 4,9%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Các khoản tiền gửi này được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | 122.855.301.982 | 99.119.351.899 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | 47.674.440 | 206.372.238 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 1.091.288.081 | 1.195.855.113 |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 113.281.176.522 | 96.042.115.874 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An | 874.627.580 | - |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 507.369.047 | 36.439.810 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 4.121.935.878 | - |
| Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung | 1.185.607.132 | 1.274.966.704 |
| Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ | 1.745.623.302 | 363.602.160 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | 87.184.200.983 | 29.641.131.462 |
| Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng | 22.693.922.709 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Inox Hà Đông | 10.857.374.251 | 19.649.263.757 |
| Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An | 29.305.595.316 | - |
| Các khách hàng khác | 24.327.308.707 | 9.991.867.705 |
| Cộng | 210.039.502.965 | 128.760.483.361 |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Guangxi Qinbao International Trade Co.,Ltd | 2.470.185.575 | 2.481.683.402 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sĩ | 726.000.000 | 1.425.948.014 |
| Shandong Xinhe Optothermal Co., Ltd | 786.821.988 | - |
| Haining Fu Jiang IMP&EXP Co., Ltd | 416.819.589 | 884.875.682 |
| Wuxi Ecooter Technology Co., Ltd | 13.970.964 | 722.258.963 |
| Các nhà cung cấp khác | 475.141.829 | 889.240.719 |
| Cộng | 4.888.939.945 | 6.404.006.780 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | - | - | 77.019.343 | - |
| Phải thu về mua cổ phần (*) | 1.072.000.000 | (1.072.000.000) | 1.072.000.000 | (1.072.000.000) |
| Các khoản ký quỹ, ký cược | 23.000.000 | - | 23.000.000 | - |
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 176.525.480 | - | 30.780.822 | - |
| Phải thu ngắn hạn khác | 10.282.500 | - | 26.282.500 | - |
| Cộng | 1.281.807.980 | (1.072.000.000) | 1.229.082.665 | (1.072.000.000) |

(*) Đây là khoản phải thu Ông Kiều Thanh Phong và Ông Nguyễn Văn Thảo số tiền đã chuyển cho các cá nhân này để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 01 tháng 7 năm 2011. Tuy nhiên theo kết luận của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 4 năm 2013, các cá nhân đều không có căn cứ chứng minh đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ và hợp đồng chuyển nhượng không được công nhận. Công ty đã trích lập dự phòng khó đòi đối với khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty TNHH Xe máy điện Nam Tiến Phát tại Đà Nẵng | 4.315.142.584 | (4.315.142.584) | 7.099.717.643 | (2.277.588.821) |
| Ông Kiều Thanh Phong | 536.000.000 | (536.000.000) | 536.000.000 | (536.000.000) |
| Ông Nguyễn Văn Thảo | 536.000.000 | (536.000.000) | 536.000.000 | (536.000.000) |
| Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ | 1.845.737.886 | (1.845.737.886) | - | - |
| Các đối tượng khác | - | - | 40.800.000 | (40.800.000) |
| Cộng | 7.232.880.470 | (7.232.880.470) | 8.212.517.643 | (3.390.388.821) |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 3.390.388.821 | 1.253.797.909 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 3.883.291.649 | 2.277.588.821 |
| Hoàn nhập dự phòng | (40.800.000) | (53.997.909) |
| Sử dụng dự phòng để xóa nợ | - | (87.000.000) |
| Số cuối năm | 7.232.880.470 | 3.390.388.821 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | - | - | 1.208.508.573 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 46.995.269.542 | (354.141.940) | 58.704.531.668 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 802.306.629 | - | 571.908.548 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 307.459.652 | - | 562.195.836 | - |
| Thành phẩm | 8.571.212.715 | (3.152.719.689) | 14.495.329.444 | - |
| Hàng hóa | 6.093.884.118 | - | 7.963.432.789 | - |
| Cộng | 62.770.132.656 | (3.506.861.629) | 83.505.906.858 | - |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|----------------------|-----------|
| Số đầu năm | - | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 3.506.861.629 | - |
| Số cuối năm | 3.506.861.629 | - |

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 94.769.710 | 42.700.978 |
| Chi phí bảo hiểm | 56.076.598 | 80.113.921 |
| Chi phí khác | - | 33.234.925 |
| Cộng | 150.846.308 | 156.049.824 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 409.926.329 | 368.288.258 |
| Chi phí sửa chữa | 17.560.876 | 88.433.576 |
| Chi phí biển quảng cáo | 35.794.911 | 487.594.153 |
| Chi phí khác | 18.036.375 | 30.926.763 |
| Cộng | <u>481.318.491</u> | <u>975.242.750</u> |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | <u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> | <u>Máy móc và thiết bị</u> | <u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|--|--|------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 1.100.281.195 | 36.290.064.399 | 1.698.620.471 | 200.269.830 | 39.289.235.895 |
| Mua trong năm | - | 147.700.000 | - | - | 147.700.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | (30.161.332) | (30.161.332) |
| Số cuối năm | <u>1.100.281.195</u> | <u>36.437.764.399</u> | <u>1.698.620.471</u> | <u>170.108.498</u> | <u>39.406.774.563</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 8.583.327.081 | 1.018.431.818 | 170.108.498 | 9.771.867.397 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 243.718.201 | 14.770.490.272 | 1.094.784.140 | 198.594.194 | 16.307.586.807 |
| Khấu hao trong năm | 110.028.120 | 1.676.959.323 | 214.144.937 | - | 2.001.132.380 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | (28.485.696) | (28.485.696) |
| Số cuối năm | <u>353.746.321</u> | <u>16.447.449.595</u> | <u>1.308.929.077</u> | <u>170.108.498</u> | <u>18.280.233.491</u> |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 856.562.994 | 21.519.574.127 | 603.836.331 | 1.675.636 | 22.981.649.088 |
| Số cuối năm | <u>746.534.874</u> | <u>19.990.314.804</u> | <u>389.691.394</u> | <u>-</u> | <u>21.126.541.072</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 10.941.233.464 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|-----------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | <u>36.248.370.875</u> | <u>8.434.154.480</u> |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | 26.975.492.825 | 3.180.340.998 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 2.880.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 9.135.676.960 | 4.497.306.782 |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | - | 718.929.178 |
| Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai | 134.321.090 | 37.577.522 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | | |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>7.108.367.555</i> | <i>18.590.598.576</i> |
| Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh | - | 3.056.580.687 |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Inox Minh Phú | - | 5.331.531.403 |
| Các nhà cung cấp khác | <u>7.108.367.555</u> | <u>10.202.486.486</u> |
| Cộng | <u>43.356.738.430</u> | <u>27.024.753.056</u> |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số phải nộp trong năm</u> | <u>Số đã nộp trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|--|-----------------------------|------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 377.820.141 | 3.743.602.372 | (3.474.145.325) | 647.277.188 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 2.740.709.949 | (2.740.709.949) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 45.618.470 | (45.618.470) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.099.656.512 | 3.189.893.258 | (3.399.656.515) | 1.889.893.255 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 83.221.438 | 477.402.790 | (536.391.522) | 24.232.706 |
| Thuế bảo vệ môi trường | - | 1.250.000 | (1.250.000) | - |
| Lệ phí môn bài | - | 4.000.000 | (4.000.000) | - |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 6.872.619 | (6.872.619) | - |
| Cộng | <u>2.560.698.091</u> | <u>10.209.349.458</u> | <u>(10.208.644.400)</u> | <u>2.561.403.149</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8-10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 15.721.324.838 | 15.371.305.276 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | 126.977.297 |
| • Các khoản điều chỉnh tăng | 228.141.452 | 227.381.708 |
| • Các khoản điều chỉnh giảm | - | (100.404.411) |
| Thu nhập tính thuế | 15.949.466.290 | 15.498.282.573 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 3.189.893.258 | 3.099.656.515 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | - | 21.888.182 |
| Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | <u>3.189.893.258</u> | <u>3.121.544.697</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 109.018.363 | 68.382.911 |
| Chi phí phải trả khác | 257.540.000 | |
| Cộng | 366.558.363 | 68.382.911 |

13. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>30.908.188</i> | <i>18.750.000</i> |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà – Tiền chi hộ | - | 18.750.000 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam – Thu chi hộ | 30.908.188 | - |
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | <i>311.448.065</i> | <i>536.630.048</i> |
| Kinh phí công đoàn | 260.959.485 | 272.111.370 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | 5.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 50.488.580 | 259.518.678 |
| Cộng | 342.356.253 | 555.380.048 |

14. Vay

14a. Vay ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng^(*)</i> | <i>86.260.763.667</i> | <i>62.300.388.994</i> |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân | 19.101.072.343 | 22.300.388.994 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đống Đa – Phòng Giao dịch Thành Công | 53.564.252.453 | |
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hà Nội | 13.595.438.871 | |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An) (xem thuyết minh V.14b)</i> | <i>1.480.000.000</i> | <i>1.480.000.000</i> |
| Cộng | 87.740.763.667 | 63.780.388.994 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(*) Thông tin về các khoản vay Ngân hàng ngắn hạn như sau:

| Ngân hàng | Hạn mức | Thời hạn | Lãi suất/năm | Tài sản đảm bảo |
|---|-----------|-------------------------------------|--------------|--|
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân | 50 tỷ VND | 12 tháng | 4,6% - 6,3% | Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; máy móc thiết bị |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa | 85 tỷ VND | 12 tháng | 5,5% - 7,3% | Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc ngày 19/01/2022, ngày 20/12/2023 và các Phụ lục kèm theo (nếu có) giữa bên thế chấp và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. |
| Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đống Đa – Vay mở L/C | 35 tỷ VND | 60 ngày, được gia hạn đến 13/2/2025 | 8,05% | Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. Xe ô tô biển kiểm soát 30F-763.85 của ông Hoàng Mạnh Tân. |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| <u>Ngân hàng</u> | <u>Hạn mức</u> | <u>Thời hạn</u> | <u>Lãi suất/ năm</u> | <u>Tài sản đảm bảo</u> |
|---|----------------|-----------------|--------------------------|--|
| Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Hà Nội | 30 tỷ VND | 6 tháng | 7,5% | Cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. |

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

| | <u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u> | <u>Vay dài hạn đến hạn trả</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 62.300.388.994 | 1.480.000.000 | 63.780.388.994 |
| Số tiền vay phát sinh trong năm | 163.078.380.759 | - | 163.078.380.759 |
| Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | - | 1.480.000.000 | 1.480.000.000 |
| Số tiền vay đã trả trong năm | (139.118.006.086) | (1.480.000.000) | (140.598.006.086) |
| Số cuối năm | 86.260.763.667 | 1.480.000.000 | 87.740.763.667 |

14b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng ngày 12 tháng 10 năm 2020, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án đầu tư hệ thống pin năng lượng mặt trời công suất 998 kWp, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần, tài sản đảm bảo là toàn bộ quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo Hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11 tháng 12 năm 2020 ký với Tổng công ty Điện lực Miền Trung và máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời Chu Lai.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|----------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 1.480.000.000 | 1.480.000.000 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 1.465.000.000 | 2.945.000.000 |
| Cộng | 2.945.000.000 | 4.425.000.000 |

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.945.000.000 | 4.425.000.000 |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | (1.480.000.000) | (1.480.000.000) |
| Số cuối năm | 1.465.000.000 | 2.945.000.000 |

15. Dự phòng phải trả

15a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

15b. Dự phòng phải trả dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa | 867.486.577 | 867.486.577 |
| Dự phòng trợ cấp thôi việc | 47.218.500 | 47.218.500 |
| Cộng | 914.705.077 | 914.705.077 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.505.891.640 | 1.334.994.945 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 122.497.606 | 178.896.695 |
| Chi quỹ | (112.050.000) | (8.000.000) |
| Số cuối năm | 1.516.339.246 | 1.505.891.640 |

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|---|---------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| <i>Năm trước</i> | | | | |
| Số dư đầu năm trước | 115.025.160.000 | 4.049.066.214 | 19.611.800.230 | 138.686.026.444 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 12.249.760.579 | 12.249.760.579 |
| Trích lập các quỹ | - | 357.793.389 | (536.690.084) | (178.896.695) |
| Thù lao HĐQT, BKS | - | - | (156.000.000) | (156.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 115.025.160.000 | 4.406.859.603 | 31.168.870.725 | 150.600.890.328 |
| <i>Năm nay</i> | | | | |
| Số dư đầu năm nay | 115.025.160.000 | 4.406.859.603 | 31.168.870.725 | 150.600.890.328 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 12.531.431.580 | 12.531.431.580 |
| Trích lập các quỹ | - | - | (122.497.606) | (122.497.606) |
| Thù lao HĐQT, BKS | - | - | (168.263.737) | (168.263.737) |
| Tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (*) | 34.506.400.000 | (4.406.859.603) | (30.099.540.397) | - |
| Số dư cuối năm nay | 149.531.560.000 | - | 13.310.000.565 | 162.841.560.565 |

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18 tháng 4 năm 2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, tổng số cổ phiếu đã phát hành là 3.450.640 cổ phiếu. Ngày 05 tháng 8 năm 2025, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đã chấp thuận niêm yết bổ sung số cổ phiếu nêu trên, quyết định có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 8 năm 2025.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 75.329.640.000 | 57.945.880.000 |
| Các cổ đông khác | 74.201.920.000 | 57.079.280.000 |
| Cộng | 149.531.560.000 | 115.025.160.000 |

17c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành | 14.953.156 | 11.502.516 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 14.953.156 | 11.502.516 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 14.953.156 | 11.502.516 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 18 tháng 4 năm 2025 như sau:

| | <u>VND</u> |
|--|----------------|
| • Thù lao HĐQT, BKS | 168.263.737 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 122.497.606 |
| • Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | 34.506.400.000 |

17e. Kế hoạch tăng vốn

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ/SHE ngày 11/11/2025 đã thông qua phương án phát hành 50.050.763 cổ phiếu để hoán đổi phần vốn góp của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (“SHI”) tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (“SSP”), với giá hoán đổi là 10.022 VND/cổ phiếu, tổng giá trị dự kiến phát hành theo mệnh giá là 500.507.630.000 VND.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐQT/SHE thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để hoán đổi phần vốn góp. Theo đó, Công ty đã phát hành thành công 50.050.763 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho SHI để hoán đổi toàn bộ phần vốn góp tại SSP. Đợt phát hành hoàn tất vào ngày 24 tháng 02 năm 2026, với tổng giá trị cổ phiếu phát hành theo mệnh giá là 500.507.630.000 VND. Sau khi hoàn tất đợt phát hành, vốn điều lệ của Công ty tăng lên 650.039.190.000 VND. Cùng ngày, Công ty đã lập Báo cáo số 01/2026/BCKQ-SHE gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để báo cáo kết quả phát hành. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sửa đổi Điều lệ Công ty theo mức vốn điều lệ mới.

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

18a. Tài sản thuê ngoài

Công ty hiện đang thuê văn phòng nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 2.171.086.188 | 2.171.086.188 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 6.513.258.564 | 8.684.344.752 |
| Trên 5 năm | - | 1.284.559.328 |
| Cộng | <u>8.684.344.752</u> | <u>12.139.990.268</u> |

18b. Nợ đã xóa sổ

Là nợ phải thu khó đòi của ông Hoàng Trọng Thủy, số tiền 87.000.000 VND, được xóa sổ vào năm 2024.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 249.837.524.466 | 86.558.934.277 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 121.835.642.516 | 106.488.167.056 |
| Doanh thu bán điện | 3.908.404.136 | 4.169.658.128 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 1.214.245.861 | 343.066.797 |
| Cộng | <u>376.795.816.979</u> | <u>197.559.826.258</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 133.251.689.268 | 118.085.128.662 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | 378.759.060 | 1.036.583.122 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 4.588.049.284 | 4.024.780.544 |
| Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai | 188.200.400 | 176.215.600 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An | 7.603.511.990 | 7.424.586.908 |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 663.695.824 | 4.689.005.295 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 6.386.417.245 | 4.953.027.333 |
| Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung | 3.122.591.345 | 2.985.722.000 |
| Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ | 4.639.215.820 | 1.490.547.700 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | 102.079.746 | 50.642.545 |
| Chiết khấu thương mại | | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 1.175.260.000 | 690.537.050 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 213.864.815 | 357.817.406 |
| Hàng bán bị trả lại | | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 62.837.968 | 38.529.216 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | 140.988.980 | 35.949.587 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An | 23.169.900 | 10.437.800 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 46.738.888 | 12.438.100 |
| Giảm giá hàng bán | | |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 1.320.900 | - |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Chiết khấu thương mại | 1.419.004.815 | 1.051.421.234 |
| Hàng bán bị trả lại | 2.604.364.157 | 100.787.503 |
| Giảm giá hàng bán | 1.320.900 | - |
| Cộng | 4.024.689.872 | 1.152.208.737 |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 245.761.876.746 | 81.654.754.176 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 92.730.689.411 | 83.708.526.538 |
| Giá vốn điện | 1.698.772.008 | 1.723.883.287 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 402.327.967 | 212.815.300 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 3.506.861.629 | - |
| Cộng | 344.100.527.761 | 167.299.979.301 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 1.977.437 | 1.652.102 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 519.013.832 | 88.031.389 |
| Lãi tiền cho vay | - | 78.896.316 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 195.576.856 | 62.280.079 |
| Cộng | <u>733.139.554</u> | <u>230.859.886</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí lãi vay | 5.269.711.727 | 4.263.508.191 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 47.169.820 | 182.941.654 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 1.132.414 |
| Chi phí tài chính khác | 18.424.178 | - |
| Cộng | <u>5.335.305.725</u> | <u>4.447.582.259</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 207.931.434 | 1.275.373.768 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 542.411.703 | 532.763.141 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 85.023.588 | 85.023.588 |
| Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa | 1.018.655.270 | 259.585.066 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 53.948.725 | 940.808.195 |
| Các chi phí khác | 188.304.611 | 216.116.742 |
| Cộng | <u>2.096.275.331</u> | <u>3.309.670.500</u> |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 4.437.721.218 | 4.328.475.254 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 6.278.082 | 2.540.453 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 90.048.799 | 98.969.918 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 129.121.349 | 150.388.332 |
| Thuế, phí và lệ phí | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 3.842.491.649 | 2.223.590.912 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.935.062.656 | 2.466.211.708 |
| Các chi phí khác | 409.135.898 | 569.064.087 |
| Cộng | <u>11.853.859.651</u> | <u>9.843.240.664</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ lãi phạt chậm trả theo hợp đồng | 6.275.428.987 | 3.713.836.200 |
| Lãi thanh lý tài sản cố định | 8.324.364 | - |
| Lãi thanh lý công cụ dụng cụ | 9.980.000 | - |
| Các khoản khác | 23.648.958 | 5.465.104 |
| Cộng | <u>6.317.382.309</u> | <u>3.719.301.304</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 12.531.431.580 | 12.249.760.579 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | (122.497.606) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 12.531.431.580 | 12.127.262.973 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 14.953.156 | 14.953.156 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 838 | 811 |

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được lợi nhuận có thể được dùng để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025, do chưa có thông tin.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 11.502.516 | 11.502.516 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu ngày 10/7/2025 | 3.450.640 | 3.450.640 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 14.953.156 | 14.953.156 |

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được tính toán lại, giảm từ 1.065 VND xuống còn 811 VND do Công ty đã trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu.

9b. Thông tin khác

Không có giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 75.257.107.829 | 64.869.687.039 |
| Chi phí nhân công | 11.987.352.403 | 12.151.988.301 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.001.132.380 | 2.261.921.144 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.433.533.245 | 7.113.778.092 |
| Chi phí khác | 10.099.277.615 | 5.332.470.608 |
| Cộng | 104.778.403.472 | 91.729.845.184 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Chức vụ | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|-----------------------|--|----------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Chủ tịch HĐQT | - | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Hoàng Mạnh Tân | Phó Chủ tịch HĐQT | 1.279.685.775 | 18.000.000 | 1.297.685.775 |
| Ông Trần Ngọc Hùng | Thành viên HĐQT/ Giám đốc | 412.000.000 | 18.000.000 | 430.000.000 |
| Bà Nông Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Đình Quý | Thành viên HĐQT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Lương Diệu Cẩm | Thành viên HĐQT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Đinh Đức Tuấn | Phó Giám đốc (đến 16/8/2025) | 380.005.042 | - | 380.005.042 |
| Bà Trịnh Thị Kim Anh | Kế toán trưởng | 334.568.400 | - | 334.568.400 |
| Bà Nguyễn Thị Gấm | Trưởng BKS | - | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Lê Thị Thảo | Thành viên BKS | - | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Trần Văn Thi | Thành viên BKS | - | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Cộng | | 2.406.259.217 | 174.000.000 | 2.580.259.217 |
| Năm trước | | | | |
| Ông Lê Vĩnh Sơn | Chủ tịch HĐQT | | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Hoàng Mạnh Tân | Phó Chủ tịch HĐQT/ Giám đốc (đến 01/01/2024) | 1.468.577.028 | 18.000.000 | 1.486.577.028 |
| Ông Trần Ngọc Hùng | Thành viên HĐQT (từ 26/4/2024)/ Giám đốc (từ 02/01/2024) | 293.491.304 | 12.263.736 | 305.755.040 |
| Bà Nông Thị Thanh Vân | Thành viên HĐQT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Nguyễn Đình Quý | Thành viên HĐQT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Bà Lương Diệu Cẩm | Thành viên HĐQT | - | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Ông Đinh Đức Tuấn | Phó Giám đốc | 554.584.452 | - | 554.584.452 |
| Bà Nguyễn Bá Thị Hợp | Kế toán trưởng (đến 14/8/2024) | 199.808.404 | - | 199.808.404 |
| Bà Trịnh Thị Kim Anh | Kế toán trưởng (từ 15/8/2024) | 107.462.240 | - | 107.462.240 |
| Bà Nguyễn Thị Gấm | Trưởng BKS | - | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Lê Thị Thảo | Thành viên BKS | - | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Ông Trần Văn Thi | Thành viên BKS | - | 12.000.000 | 12.000.000 |
| Cộng | | 2.623.923.428 | 168.263.736 | 2.792.187.164 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

| | |
|---|--------------------------------|
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | Cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | Cùng công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | Cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Tổng công ty Toàn Mỹ ("Toàn Mỹ") | Cùng công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An | Công ty con của Toàn Mỹ |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | Công ty con của Toàn Mỹ |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà | Công ty con của Toàn Mỹ |
| Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung | Công ty con của Toàn Mỹ |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn | Bên liên quan của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai | Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn |

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ: | | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 129.186.482.273 | 6.261.631.819 |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | 47.326.647.207 | 1.714.630.013 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | 26.848.148 | 23.200.000 |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An | 123.279.630 | 230.867.000 |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 56.333.341.863 | 31.933.127.636 |
| Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc | 16.888.889 | - |
| Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà - Chu Lai | 272.727.272 | 272.727.272 |
| Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung | - | 1.153.000 |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ | 159.407.111 | 75.361.178 |
| Thuê nhà xưởng: | | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 2.738.781.608 | - |
| Trả lại hàng mua: | | |
| Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh | 50.955.608 | 79.053.349 |
| Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ | 5.622.900 | 984.989 |
| Chiết khấu thanh toán: | | |
| Công ty Cổ phần Sơn Hà Nghệ An | - | 127.390.370 |
| Lãi phạt chậm trả theo hợp đồng: | | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 6.275.428.987 | 3.713.836.200 |
| Thanh lý thiết bị, công cụ dụng cụ: | | |
| Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà | 10.000.000 | |
| Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam | - | 1.700.000 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà | 9.980.000 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.10, V.12 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh thiết bị năng lượng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý và không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô D, Cụm Công nghiệp Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã trình bày tại Thuyết minh V.17, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu



Trịnh Thị Kim Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Thị Kim Anh

Giám đốc



Trần Ngọc Hùng

